

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **38/2020/HS-ST**

Ngày: 28-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn A Đạt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hà

Bà Võ Thị Ánh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn-Thư ký TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Minh Quế - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phan Văn A (Ngơ), sinh năm: 1989 tại Gia Lai

HKTT: Thôn 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Gia Lai

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Bảo vệ;

Cha: Phan Văn H và mẹ Trần Thị Ph;

Bị cáo là con đầu trong gia đình có 03 anh em;

Vợ: Nguyễn Thị Ng

Tiền án: 01: Ngày 24/7/2018 bị TAND huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong ngày 05/10/2019.

Tiền sự: không.

Nhân Thân: Ngày 13/3/2008 TAND huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong ngày 09/6/2008.

Ngày 25/8/2010 bị TAND huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp Hành xong ngày 26/3/2013.

Ngày 23/9/2013 bị TAND huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong ngày 02/3/2016.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16-01-2020. (có mặt)

2. Trịnh Hoàng B (Cu B), sinh năm 1993, tại thành phố Hồ Chí Minh

HKTT: tổ 1, khu phố 2, phường 3, tx 4, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Bảo vệ;

Cha: Trịnh Hoàng T và mẹ Nguyễn Thị Bích Th;

Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có 04 chị em;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16-01-2020. (có mặt)

3. Bị hại:

- Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1941; địa chỉ: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; (có mặt)

- Bà Hữu Thị Kim H, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 10/01/2020, Phan Văn A rủ Trịnh Hoàng B đi trộm cắp tài sản, B đồng ý. Cả hai bắt taxi đi từ ngã ba C1, thị xã 4 đến ấp 1, xã 2, huyện 3. Đến khoảng 01 giờ ngày 11/01/2020, A và B phát hiện nhà bà Nguyễn Thị Y có cửa chính khóa sơ sài nên A tìm cách mở cửa vào bên trong nhà. B ra phía bên ngoài canh giới, A vào bên trong nhà bà Y trộm cắp được 02 chỉ vàng 24k và số tiền 29.000.000 đồng, trộm của bà Hữu Thị Kim H 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng đen và số tiền 24.000.000 đồng. Trộm xong, A đi ra bên ngoài gặp B, A nói phía trong nhà còn còn 01 xe máy có lấy không, B nói anh muốn lấy thì lấy, B tiếp tục đứng chờ, A vào lại nhà nhưng chưa kịp lấy xe máy thì bị bà Y phát hiện, hô hoán nên cả hai bỏ chạy, rồi bắt xe khách đi về thị xã 4.

Trong quá trình điều tra, A khai đưa cho B 4.000.000 đồng; tuy nhiên qua đối chất và tại Phiên Tòa A thừa nhận chỉ đưa cho B số tiền 200.000 đồng.

Tang vật thu giữ, gồm: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng đen của A; 01 dây chuyền vàng 14k; 01 nhẫn vàng 14k.

Kết luận định giá tài sản số 13/HĐĐG ngày 24/3/2020 do Hội đồng định giá huyện Đất Đỏ kết luận: 01 dây chuyền vàng 14k có giá 2.665.000 đồng; 01 nhẫn vàng 14k có giá 3.874.500 đồng.

Tài sản trộm cắp không thu hồi được, gồm: 02 chỉ vàng 24k (A đã bán được số tiền 8.100.000 đồng và dùng tiền này mua 01 dây chuyền vàng 14k, 01 nhẫn vàng 14k, còn lại A tiêu xài hết). 01 Điện thoại Nokia màu trắng đen A đã vứt bỏ, nhưng không nhớ địa điểm nên Cơ quan CSĐT không thu giữ được.

Kết luận định giá tài sản số 08/HĐĐG ngày 20/02/2020 do Hội đồng định giá huyện Đất Đỏ kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng đen không rõ đặc điểm nên không có cơ sở định giá. 02 chỉ vàng 24k có giá 8.400.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự:

Bà Nguyễn Thị Y yêu cầu được nhận 01 dây chuyền vàng 14k và 01 nhẫn vàng 14k, đồng thời yêu cầu bị cáo A bồi thường cho bà Y số tiền 29.000.000 đồng;

Bà Hữu Thị Kim H yêu cầu bị cáo A bồi thường số tiền 24.000.000 đồng;

Bị bị cáo A và bị cáo B khai nhận: Khoảng 22 giờ ngày 10/01/2020, bị cáo A rủ bị cáo B đi thành phố Bà Rịa chơi, B đồng ý. A điện thoại taxi đi từ ngã ba C1, thị xã 4 đến thành phố Bà Rịa; tuy nhiên thấy qua thành phố Bà Rịa mà không thấy A kêu taxi dừng nên B hỏi nhiều lần thì A nói đi ăn trộm. Cả hai tiếp tục cho taxi chở đến ấp 1, xã 2, huyện 3 thì dừng lại. Đến khoảng 01 giờ ngày 11/01/2020, A và B phát hiện nhà Yến có cửa chính khóa sơ sài nên A mở cửa vào bên trong lục tìm tài sản, còn B ra ngoài đường ngồi canh chừng. A trộm cắp được 02 chỉ vàng 24k và số tiền 27.000.000 đồng trong tủ, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng đen và số tiền 24.000.000 đồng trong cốp xe máy. Trộm xong, A đi ra bên ngoài gặp B, A nói phía trong nhà còn còn 01 xe máy có lấy không, B nói muốn lấy thì lấy; B tiếp tục đứng chờ, A vào nhà để lấy xe máy nhưng chưa kịp lấy thì bị chủ nhà phát hiện, hô trộm nên cả hai bỏ chạy, rồi B bắt xe khách đi về thị xã 4, A về thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo đồng ý với giá trị tài sản do Hội đồng định giá xác định, không yêu cầu định giá lại.

Bị cáo A, bị cáo B đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị Hại. Bị cáo A yêu cầu được bồi thường cho 02 bị hại số tiền 52.800.000 đồng; bị Cáo B đồng ý bồi thường cho 02 bị hại số tiền 200.000 đồng.

Bị hại bà Nguyễn Thị Y trình bày: Ngày 11/01/2020 trong lúc bà và mọi người đang ngủ thì bị kẻ gian cạy cửa vào nhà trộm cắp của bà 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng đen, 02 chỉ vàng 24k và số tiền 27.000.000 đồng, bà

Y yêu cầu được trả lại tài sản đã bị lấy trộm là vàng và tiền. Tuy nhiên nay biết bị cáo A đã bán 02 chỉ vàng 24k trộm cắp của bà để mua 01 dây chuyền vàng 14k và 01 nhẫn vàng 14k nên bà yêu cầu được nhận 02 tài sản này, đồng thời yêu cầu các bị cáo bồi thường cho bà số tiền 29.000.000 đồng.

Bị hại bà Hữu Thị Kim H trình bày: ngày 11/01/2020 khi bà và mọi người đang ngủ thì nghe bà Y là mẹ bà hô có kẻ trộm đột nhập, sau đó bà kiểm tra thì phát hiện bị mất số tiền 24.000.000 đồng để trong bóp xe máy, bà yêu cầu được nhận lại tài sản đã bị trộm cắp.

Tại Bản cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 27/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ đã truy tố Phan Văn A và Trịnh Hoàng B về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện VKSND huyện Đất Đỏ giữ quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phan Văn A, Trịnh Hoàng B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, **Điều 17**, Điều 38 và **Điều 58** BLHS xử phạt bị cáo Phan Văn A từ 36 (ba mươi sáu) tháng tù đến 42 (bốn mươi hai) tháng tù;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, **Điều 17**, Điều 38 và **Điều 58** BLHS xử phạt bị cáo Trịnh Hoàng B từ 24 (hai mươi bốn) tháng tù đến 30 (ba mươi) tháng tù.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 và điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tuyên xử:

Giao cho bà Nguyễn Thị Y 01 dây chuyền vàng 14k và 01 nhẫn vàng 14k.

Tịch thu sung công quy Nhà nước đối với 01 điện thoại hiệu Nokia màu trắng đen đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự, tuyên xử:

Buộc bị cáo A và bị cáo B bồi thường cho bà Nguyễn Thị Y số tiền 29.000.000 đồng và bồi thường cho bà Hữu Thị Kim H số tiền 24.000.000 đồng;

-Các bị cáo không ai có khiếu nại, tố cáo về hành vi và quyết định trong quá trình điều tra, truy tố, khởi tố, xét xử, đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản tự khai, biên bản ghi lời khai, kết luận điều tra và cáo trạng đã nêu; Các bị cáo không ai tranh luận với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, khi nói lời sau cùng các bị cáo chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tại địa bàn huyện Đất Đỏ; Cơ quan CSĐT Công an huyện Đất Đỏ khởi tố vụ án đối với các bị cáo là đúng thẩm quyền.

[2] *Về chủ thể hiện hành vi phạm tội*: Căn cứ vào Danh chỉ bản, trích lục tiền án, tiền sự và Lý lịch bị cáo có tại hồ sơ vụ án, Công an huyện Đất Đỏ, VKSND huyện Đất Đỏ khởi tố, truy tố đối với Phan Văn A, sinh năm 1989 tại Gia Lai, có cha Phan Văn H, mẹ Trần Thị Ph và Trịnh Hoàng B, sinh năm 1993 tại thành phố Hồ Chí Minh, có cha Trịnh Hoàng T, mẹ Nguyễn Thị Bích Th là đúng đối tượng.

[3] *Về hành vi, quyết định của cơ quan và người tiến hành tố tụng*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo A, bị cáo B và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đất Đỏ và Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo*:

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với kết quả định giá và lời trình bày của những người tham gia tố tụng trong vụ án, xác định:

Khoảng 22 giờ ngày 10/01/2020, bị cáo A rủ bị cáo B đi thành phố Bà Rịa chơi, B đồng ý. A điện thoại taxi đi từ ngã ba C1, thị xã 4 đến thành phố Bà Rịa; tuy nhiên thấy qua thành phố Bà Rịa mà không thấy A kêu taxi dừng nên B hỏi nhiều lần thì A nói đi ăn trộm. Cả hai tiếp tục cho taxi chờ đến ấp 1, xã 2, huyện 3 thì dừng lại. Đến khoảng 01 giờ ngày 11/01/2020, A và B phát hiện nhà bà Nguyễn Thị Y có cửa chính khóa sơ sài nên A đẩy cửa vào trong, riêng B ra phía bên ngoài canh giới, A vào bên trong phòng bà Y trộm cắp được 02 chỉ vàng 24k và số tiền 27.000.000 đồng, trộm của bà Hữu Thị Kim H 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng đen và số tiền 24.000.000 đồng để trong cốp xe máy. Trộm xong, A đi ra bên ngoài rủ B trộm cắp xe máy trong nhà, B tiếp tục đứng chờ, A

vào lại nhà nhưng chưa kịp lấy xe máy thì bị bà Y phát hiện, hô trộm nên cả hai bỏ chạy, rồi bắt xe khách đi về thị xã 4.

Do đó đủ căn cứ kết luận Cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 27-5-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ truy tố các bị cáo Phan Văn A, Trịnh Hoàng B về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Về tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo thực hiện với vai trò đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo A phạm tội với vai trò rủ rê, lôi kéo và thực hành tích cực; bị cáo B phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức. Tuy có bàn bạc, thống nhất đi trộm cắp từ trước nhưng không phân công vai trò cụ thể.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ.

Bị cáo A đã từng nhiều lần đi thi hành án, được cải tạo, giáo dục về ý thức chấp hành pháp luật, lẽ ra bị cáo cần chí thú lao động để hoàn B bản thân và nêu gương, nhưng bị cáo không những không tự cải sửa mà còn lôi kéo người khác cùng tham gia, tiếp tục nhằm sơ hở của người dân, lén lút trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài, kích thích lòng tham và lối sống lười lao động cho người khác, bất chấp hậu quả xảy ra, thể hiện ý thức xem thường pháp luật.

Vì vậy cần có hình phạt tù có thời hạn tương xứng với từng bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm tạo điều kiện cho các bị cáo được giáo dục, học tập và phấn đấu để trở thành người tốt hơn, biết tôn trọng pháp luật, tôn trọng quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

[6.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo B không có tình tiết tăng nặng; bị cáo A có 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Tuy nhiên, từ năm 2008 đến nay bị cáo A 04 lần phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo khai làm công việc bảo vệ tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng không chứng minh được nơi làm việc và thu nhập ổn định; chứng tỏ, bị cáo không lấy công việc bảo vệ làm nguồn thu nhập chính để nuôi sống bản thân.

[6.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan cảnh sát điều tra cũng như qua diễn biến phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Riêng bị cáo B có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu, có địa chỉ cư trú rõ ràng. Do đó cần xem xét cho bị cáo A được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, bị cáo B được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 dây chuyền vàng 14k và 01 nhẫn vàng 14k, đây là tài sản do bị cáo A bán 02 chỉ vàng 24k của bà Y để mua nên cần giao tài sản này cho bà Y là phù hợp điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS và Điều 48 BLHS.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng là công cụ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu xung công quy Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng đen, sau khi lấy trộm A đã vứt bỏ khu vực thành phố Hồ Chí Minh, không xác định được vị trí, không thu hồi được; bà Y không có yêu cầu gì đối với tài sản này nên không xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo A trộm cắp của bà Y số tiền 27.000.000 đồng, trộm cắp của bà H số tiền 24.000.000 đồng nhưng không cho B biết về số tài sản trộm cắp được; bị cáo A đưa cho bị cáo B 200.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo A cất giấu để sử dụng và tiêu xài cá nhân. Cả hai bị cáo không xác định được số tiền 200.000 đồng là của bà H hay bà Y nên cần buộc bị cáo B bồi thường cho bà Y 100.000 đồng, bồi thường cho bà H 100.000 đồng; buộc bị cáo A bồi thường cho bà Y số tiền 28.900.000 đồng, bồi thường cho bà H số tiền 23.900.000 đồng.

[9] Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định; gia đình các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo nên miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy về điều luật, tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng và nhân thân mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng là có căn cứ, phù hợp hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo; đủ tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung nên HĐXX ghi nhận.

[11] Về án phí: Các bị cáo phạm tội và bị kết án, đồng thời phải bồi thường cho người khác nên phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 BLTTHS, Điều 147 BLTTDS và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định Điều 331 và Điều 333 BLTTHS.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ vào: Các Điều 268, 269, 298, 299 của Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Văn A (Ngơ) và Trịnh Hoàng B (Cu B) phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 32, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phan Văn A (Ngơ) 42 (bốn mươi hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày 16-01-2020.

2.2. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 32, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trịnh Hoàng B (Cu B) 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày 16-01-2020.

3. Về xử lý vật chứng:

Giao cho bà Nguyễn Thị Y 01 dây chuyền vàng 14k và 01 nhẫn vàng 14k.

Tịch thu xung công quy Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng.

(Vật chứng nêu trên được Chi cục thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số 36/BB ngày 02-6-2020)

4. Về Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 357, 584, 585, Điều 589 Bộ luật dân sự, tuyên xử:

4.1. Buộc bị cáo Phan Văn A bồi thường cho bà Nguyễn Thị Y số tiền 28.900.000đ (hai mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng) và bồi thường cho bà Hữu Thị Kim H số tiền 23.900.000đ (hai mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng).

4.2. Buộc bị cáo Trịnh Hoàng B bồi thường cho bà Nguyễn Thị Y số tiền 100.000đ (một trăm nghìn đồng) và bồi thường cho bà Hữu Thị Kim H số tiền 100.000đ (một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật dân sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 và điểm b tiêu mục 1.3 mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016;

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phan Văn A và bị cáo Trịnh Hoàng B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị cáo Phan Văn A phải chịu 2.640.000đ (hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng);

Buộc bị cáo Trịnh Hoàng B phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự 2008;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều: 331, 333, 336 và Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo, bị hại và VKSND cùng cấp có quyền kháng cáo, kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày, VKSND cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28-7-2020).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh BRVT;
- Sở Tư pháp tỉnh BRVT;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BRVT ;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- CA huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND xã 2, huyện 3;
- UBND phường 3, TX. 4;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn A Đạt